

Số: /TTr-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

TỜ TRÌNH**Dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành
Nghị quyết số 216/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội
về việc kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp**

Kính gửi: Chính phủ

Căn cứ quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL), Bộ Tài chính xây dựng dự án Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 216/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội về việc kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị định). Bộ Tài chính kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) bền vững, giữ vững ổn định chính trị.

Hiến pháp năm 2013 đã hiến định: “Đất đai... là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý”; “Đất đai là tài nguyên đặc biệt của quốc gia, nguồn lực quan trọng phát triển đất nước, được quản lý theo pháp luật”; Quốc hội có nhiệm vụ, quyền hạn “Quyết định chính sách cơ bản về tài chính, tiền tệ quốc gia; quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế...”. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai, Nhà nước đã ban hành các chính sách tài chính đối với đất đai, trong đó chính sách thuế thuế sử dụng đất nông nghiệp (SDĐNN) được xây dựng nhằm khuyến khích SDĐNN có hiệu quả, thực hiện công bằng, hợp lý sự đóng góp của tổ chức, cá nhân SDĐNN vào ngân sách nhà nước, tạo nguồn lực mới để phát triển KT-XH, góp phần thực hiện chiến lược phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Ngày 26/6/2025, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 216/2025/QH15 về việc kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp (SDĐNN). Tại Điều 2 Nghị quyết quy định: “Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết này để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước”.

Tại điểm a khoản 1 Điều 14 Luật Ban hành VBQPPL quy định Chính phủ ban hành Nghị định để quy định: “a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong luật, nghị quyết của Quốc hội”.

2. Cơ sở thực tiễn

a) Chính sách thuế SDĐNN được thực hiện theo quy định của Luật Thuế SDĐNN năm 1993, Pháp lệnh số 31-L/CTN ngày 29/3/1994 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thuế bổ sung đối với hộ gia đình SDĐNN vượt quá hạn mức diện tích đất. Thực hiện chủ trương xóa đói, giảm nghèo của Đảng và Nhà nước, đồng thời hỗ trợ đối với nông dân, khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp, thuế SDĐNN đang được miễn theo quy định tại các Nghị quyết của Quốc hội (Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội về miễn, giảm thuế SDĐNN đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11/11/2016 và Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10/6/2020), trừ trường hợp diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho tổ chức quản lý nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp.

Triển khai các Nghị quyết của Quốc hội nêu trên, Chính phủ đã ban hành các Nghị định: (i) Nghị định số 20/2011/NĐ-CP ngày 23/3/2011 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 55/2010/QH12, gồm 7 Điều; (ii) Nghị định số 21/2017/NĐ-CP ngày 24/2/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2011/NĐ-CP gồm 2 Điều (*Điều 1: sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2011/NĐ-CP về đối tượng miễn thuế SDĐNN và khai thuế, điều chỉnh, bổ sung số thuế. Điều 2: bãi bỏ các Điều 2, 3, 6 và 7 của Nghị định số 20/2011/NĐ-CP*); (iii) Nghị định số 146/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi, bổ sung Điều 5 về hạng đất tính thuế tại Nghị định số 20/2011/NĐ-CP.

b) Để tiếp tục thực hiện chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; góp phần xóa đói giảm nghèo, cải thiện đời sống nông dân, khuyến khích các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư sản xuất nông nghiệp, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 216/2025/QH15 ngày 26/6/2025, trong đó quy định kéo dài thời hạn miễn thuế SDĐNN đến hết ngày 31/12/2030.

Thực hiện Nghị quyết số 216/2025/QH15, Bộ Tài chính trình Chính phủ ban hành Nghị định mới, thay thế cho các Nghị định số 20/2011/NĐ-CP, Nghị định số 21/2017/NĐ-CP và Nghị định số 146/2020/NĐ-CP của Chính phủ để đảm bảo cải cách hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế và cơ quan thu thuế trong việc tra cứu và áp dụng.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích ban hành

- Cụ thể hóa Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế SDĐNN đến hết 31/12/2030, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất của quy định pháp luật.

- Đảm bảo chính sách công khai, minh bạch, dễ hiểu, dễ thực hiện, tạo thuận lợi cho đối tượng được miễn thuế SDDNN.

- Đảm bảo cải cách thủ tục hành chính, quản lý thuế SDDNN.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định

- Phù hợp với Hiến pháp; thực hiện đúng chủ trương của Đảng, Nhà nước đã nêu tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Kết luận số 81-KL/TW của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030; Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 02/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030; Quyết định số 357/QĐ-TTg ngày 10/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị.

- Kế thừa và phát huy những quy định đã được thực hiện ổn định, mang lại tác động tích cực đến KT-XH.

- Đảm bảo rà soát đầy đủ, đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật có liên quan.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Bộ Tài chính đã thực hiện xây dựng dự án Nghị định theo quy trình, thủ tục theo quy định tại Luật Ban hành VBQPPL.

Dự án Nghị định đã được gửi xin ý kiến các Bộ, ngành, tổ chức liên quan, đăng dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, của Bộ Tài chính để xin ý kiến rộng rãi của các tổ chức, cá nhân.

Bộ Tài chính đã tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia, hoàn thiện hồ sơ dự án Nghị định và gửi xin ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp về dự án Nghị định.

Bộ Tài chính đã tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định và hoàn thiện hồ sơ dự án Nghị định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh: Dự thảo Nghị định quy định về: (i) Đối tượng miễn thuế SDDNN; (ii) Hạng đất tính thuế; (iii) Thời hạn miễn thuế; (iv) Điều khoản thi hành.

b) Đối tượng áp dụng: Người nộp thuế, cơ quan quản lý, cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

2. Bố cục của dự thảo văn bản

Dự thảo Nghị định gồm 05 Điều:

- Điều 1. Quy định về phạm vi điều chỉnh.
- Điều 2. Quy định về đối tượng miễn thuế SDDNN
- Điều 3. Quy định về hạng đất tính thuế
- Điều 4. Quy định về thời hạn miễn thuế
- Điều 5. Quy định về điều khoản thi hành

3. Nội dung cơ bản

3.1. Nội dung bổ sung

Bổ sung quy định về phạm vi điều chỉnh tại Điều 1 dự thảo Nghị định: *Nghị định này quy định về đối tượng được miễn thuế, hạng đất tính thuế, thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.*

Lý do, cơ sở đề xuất bổ sung: Đảm bảo phù hợp với kết cấu văn bản theo quy định pháp luật về ban hành VB QPPL và bao quát các nội dung quy định tại Nghị định.

3.2. Nội dung sửa đổi, hoàn thiện

(1) Về đối tượng miễn thuế SDDNN

Tại Điều 2 dự thảo Nghị định quy định về đối tượng được miễn thuế SDDNN như sau:

Đối tượng được miễn thuế SDDNN thực hiện theo quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 55/2010/QH12 (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 28/2016/QH14), cụ thể như sau:

1. Miễn thuế SDDNN đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp phục vụ nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm; diện tích đất trồng cây hằng năm theo quy định của pháp luật về đất đai; diện tích đất làm muối.

2. Miễn thuế SDDNN đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao hoặc công nhận quyền sử dụng đất cho hộ nghèo.

Việc xác định hộ nghèo được căn cứ vào chuẩn hộ nghèo ban hành theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Trường hợp Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có quy định cụ thể chuẩn hộ nghèo theo quy định của pháp luật áp dụng tại địa phương thì căn cứ chuẩn hộ nghèo do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định để xác định hộ nghèo.

3. Miễn thuế SDDNN đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp cho các đối tượng sau đây:

a) Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao, công nhận quyền sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp, nhận chuyển quyền SDĐNN (bao gồm cả nhận thừa kế, tặng cho quyền SDĐNN).

b) Hộ gia đình, cá nhân là thành viên hợp tác xã, **liên hiệp hợp tác xã** sản xuất nông nghiệp, **hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư** đã nhận đất giao khoán ổn định của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh và hộ gia đình, cá nhân, **cộng đồng dân cư** nhận đất giao khoán ổn định của công ty nông, lâm nghiệp để sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật.

c) Hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp góp quyền SDĐNN của mình để thành lập hợp tác xã, **liên hiệp hợp tác xã** sản xuất nông nghiệp theo quy định của Luật Hợp tác xã.

4. Miễn thuế SDĐNN đối với diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp và các đơn vị khác đang trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp.

Đối với diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp và các đơn vị khác đang quản lý nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp thì thực hiện thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai; trong thời gian Nhà nước chưa thu hồi đất thì phải nộp 100% thuế SDĐNN.

5. Thủ tục, hồ sơ kê khai, miễn thuế tại Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Lý do, cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung:

Nội dung quy định nêu trên phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12, Nghị quyết số 28/2016/QH14 và cơ bản kế thừa quy định tại Nghị định số 20/2011/NĐ-CP, Nghị định số 21/2017/NĐ-CP (*quá trình triển khai thực hiện các văn bản này không phát sinh vướng mắc*); sửa đổi một số nội dung để đảm bảo đồng bộ với pháp luật hiện hành, cụ thể:

- Sửa đổi cụm từ “diện tích đất trồng cây hằng năm theo quy định của pháp luật về đất đai” để phù hợp với quy định của pháp luật đất đai¹;

- Bổ sung cụm từ “liên hiệp hợp tác xã” để bao quát hết các trường hợp và phù hợp với Luật Hợp tác xã năm 2023²;

¹ Tại Điều 9 Luật Đất đai năm 2024 quy định nhóm đất nông nghiệp bao gồm:

a) Đất trồng cây hằng năm, gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hằng năm khác”.

b) Đất trồng cây hằng năm khác là đất trồng các cây hằng năm không phải là trồng lúa”.

² Tại Điều 4 Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 quy định về: **Hợp tác xã** và **Liên hiệp hợp tác xã**.

- Thay thế cụm từ “nông trường viên, lâm trường viên” bằng cụm từ “hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư” để phù hợp với quy định tại Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ quy định về khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước trong các Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông, lâm nghiệp nhà nước không còn quy định về nông trường viên, lâm trường viên (thay thế Nghị định số 135/2005/NĐ-CP).

- Quy định thủ tục, hồ sơ kê khai, miễn thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

(2) Về hạng đất tính thuế

Tại Điều 3 dự thảo Nghị định quy định: “*Hạng đất tính thuế SDĐNN trên cơ sở hạng đất được xác định theo quy định tại Quyết định số 326/TTg ngày 18/5/1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê chuẩn hạng đất tính thuế SDĐNN và Quyết định phê duyệt điều chỉnh hạng đất tính thuế SDĐNN của Thủ tướng Chính phủ (nếu có)*”.

Lý do, cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung:

Theo quy định của Luật Thuế SDĐNN thì hạng đất tính thuế được ổn định 10 năm. Kể từ khi Luật thuế SDĐNN có hiệu lực thi hành đến nay, hạng đất tính thuế SDĐNN được áp dụng trên cơ sở Quyết định số 326/TTg ngày 18/5/1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê chuẩn hạng đất tính thuế SDĐNN. Trường hợp địa phương đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh hạng đất tính thuế SDĐNN từ năm 2011 thì thực hiện theo quy định đó ổn định đến hết năm 2020³. Thực tế triển khai thực hiện, chỉ có 2 tỉnh⁴ thực hiện điều chỉnh lại hạng đất tính thuế là Trà Vinh (được Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh hạng đất cho giai đoạn 2008 - 2017) và Đắk Lắk (được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh hạng đất cho giai đoạn 2011 - 2020).

(3) Về thời hạn miễn thuế

Tại Điều 4 dự thảo Nghị định quy định: “*Thời hạn miễn thuế SDĐNN quy định tại Nghị định này được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến hết ngày 31/12/2030*”.

Lý do, cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung: Để phù hợp với thời hạn miễn thuế tại Nghị quyết số 216/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội quy định kéo dài thời hạn miễn thuế SDĐNN đến hết ngày 31/12/2030.

(4) Về hiệu lực thi hành

³ Tại khoản 3 Điều 7 Luật Thuế SDĐNN quy định: “*3. Hạng đất tính thuế được ổn định 10 năm. Trong thời hạn ổn định hạng đất, đối với vùng mà Nhà nước đầu tư lớn, đem lại hiệu quả kinh tế cao, Chính phủ điều chỉnh lại hạng đất tính thuế*”.

⁴ Quyết định số 19/2008/QĐ-TTg ngày 30/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê chuẩn hạng đất tính thuế sử dụng đất nông nghiệp của tỉnh Trà Vinh; Quyết định số 23/2011/QĐ-TTg ngày 15/4/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt hạng đất tính thuế sử dụng đất nông nghiệp tại Đắk Lắk.

Tại Điều 5 dự thảo Nghị định quy định: *Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026* để phù hợp với hiệu lực thi hành của Nghị quyết số 216/2025/QH15.

3.3. Nội dung phân cấp, phân quyền: không.

3.4. Nội dung lược bỏ: không.

3.5. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính

Dự thảo Nghị định không làm phát sinh thủ tục hành chính thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/06/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và các Nghị định sửa đổi, bổ sung về kiểm soát thủ tục hành chính hiện hành.

4. Về tính tương thích với điều ước quốc tế, bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh

Qua rà soát về các Điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên, các nội dung được đề xuất tại dự án Nghị định đều đảm bảo phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam và không trái với các cam kết tại các Điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia và là thành viên; nội dung dự thảo Nghị định đáp ứng yêu cầu về quốc phòng, an ninh.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ)

.....

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH BAN HÀNH

1. Dự kiến nguồn lực

Nghị định thay thế các Nghị định quy định về miễn thuế SDĐNN hiện hành. Việc triển khai thực hiện Nghị định do người nộp thuế và cơ quan quản lý thuế thực hiện, không phát sinh thêm chi phí cho người nộp thuế. Cơ quan quản lý thuế thì thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ nên đã được NSNN đảm bảo kinh phí hoạt động. Vì vậy, dự kiến nguồn lực để thi hành Nghị định gồm:

Dự kiến nguồn lực để thi hành Nghị định như sau:

- Từ nguồn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương.
- Từ các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị định

Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị định bao gồm các nội dung được xác định như sau:

- Tuyên truyền, phổ biến: Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện phổ biến, giáo dục Nghị định và các quy định liên quan. Bộ Tài chính xây dựng nội dung thông tin, tuyên truyền phổ biến những yêu cầu, nội dung và các quy định của Nghị định

kịp thời đến các cơ quan, tổ chức và người dân, giúp hiểu biết, nắm bắt pháp luật kịp thời để thực hiện.

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện: Bộ Tài chính có chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể để cơ quan thuế tổ chức triển khai thực hiện.

- Kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thực hiện Nghị định.

3. Thời gian trình ban hành Nghị định

Bộ Tài chính trình Chính phủ xem xét, ký ban hành vào tháng 10/2025.

VII. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN (NẾU CÓ)

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 216/2025/QH14 ngày 26/6/2025 của Quốc hội về việc kéo dài thời hạn miễn thuế SDĐNN. Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: Dự thảo Nghị định; Báo cáo thẩm định; Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định; Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Nghị định; Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý; Bản chụp ý kiến góp ý về dự án Nghị định).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó TTgCP Hồ Đức Phớc (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, CST (b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Cao Anh Tuấn